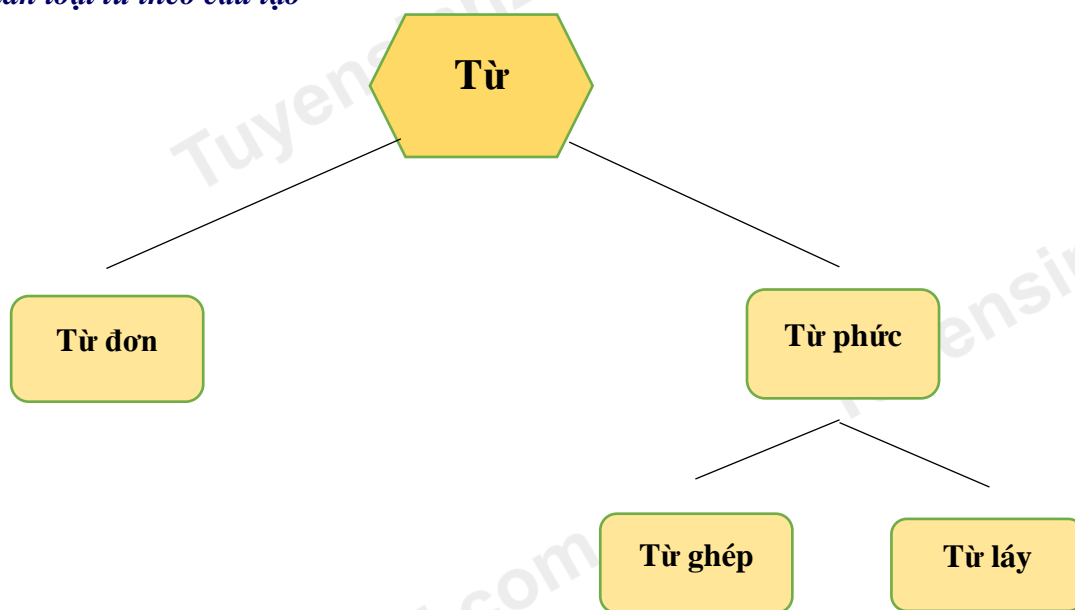


BÀI GIẢNG: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT
CHUYÊN ĐỀ: TIẾNG VIỆT
MÔN NGỮ VĂN LỚP 9

1. Từ và cấu tạo từ tiếng Việt

1.1. Từ

Phân loại từ theo cấu tạo



- Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.

- Từ đơn là từ chỉ có một tiếng.

VD: Bàn, ghế, tủ, sách...

- Từ phức là từ có 2 tiếng trở lên, từ phức gồm có:

+ Từ ghép: ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.

+ Từ láy: có quan hệ láy âm giữa các tiếng với nhau.

VD: cô giáo, ông bà, nhà cửa, ...

Phân loại từ theo nguồn gốc

- Từ mượn: (vay mượn hay từ ngoại lai) Là những từ của ngôn ngữ nước ngoài được nhập vào ngôn ngữ của ta để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm, ... mà tiếng ta chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.

- Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán (gồm từ gốc Hán và từ Hán Việt).

- Ngoài ra còn mượn một số ngôn ngữ khác như Anh, Pháp, ...

1.2. Từ loại

Từ loại	Nội dung	Ví dụ
Danh từ	<p>Danh từ: là những từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, khái niệm...</p> <p>Danh từ chia làm 2 loại:</p> <p>+ Danh từ chỉ sự vật: (DT chung, DT riêng)</p> <p>+ Danh từ đơn vị: (đứng trước DT sự vật)</p>	<p>+ DT sự vật: <i>bông hoa, học sinh, trí tuệ, ...</i>,</p> <p>+ DT đơn vị: <i>chục, cặp, tá, ... mét, lít, ki-lô-gam..., năm, mớ, đàn...</i></p>
Động từ	<p>Động từ: là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật</p> <p>Động từ chia làm 2 loại:</p> <p>+ Động từ tình thái (có ĐT khác đi kèm);</p> <p>+ Động từ chỉ hoạt động, trạng thái.</p>	<p>VD: <i>dám, khiến, định, toan, ...</i></p> <p>VD: <i>đi, chạy, nhức, nứt, đổ, đánh...</i></p>
Tính từ	<p>Tính từ: từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng...</p>	<p>VD; <i>đẹp, thông minh,...</i></p>
Phó từ	<p>Phó từ: từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho nó.</p>	<p>VD: <i>đã-đang-sẽ, rất-lắm-quá, cũng-từng, không-chưa-chẳng, được...</i></p>
Đại từ	<p>Đại từ: từ dùng để trỏ người, sự vật,... hoặc dùng để hỏi</p>	<p>Ví dụ</p> <p>- Đại từ để trỏ: <i>tôi, ta, nó, họ, hắn...;</i></p> <p>- Đại từ để hỏi: <i>bao nhiêu, gì, ai, sao, thế nào...</i></p>
Số từ	<p>Số từ: từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật, sự việc...</p> <p>- Số từ chỉ số lượng: đứng trước danh từ.</p> <p>- Số từ chỉ thứ tự: đứng sau danh từ.</p>	<p>VD: <i>một canh, hai canh..</i></p> <p>VD: <i>canh bốn, canh năm</i></p>

Lượng từ	Lượng từ là từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật...	VD: <i>Tất cả, mọi, những, mấy, vài, dăm, từng, các, mỗi..</i>
Trợ từ	Trợ từ: từ chuyên đi kèm với một số từ ngữ để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.	VD: “ <i>những</i> ”, “ <i>có</i> ”, “ <i>chỉ</i> ”, “ <i>ngay</i> ”, “ <i>chính</i> ” trong câu: <i>ăn những hai bát cơm, ăn có hai bát cơm, chỉ ba đĩa, đi ngay, chính nó, ..</i>
Thán từ	Thán từ: từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc(a, ái, ôi, ô hay, than ôi,...) hoặc để gọi đáp (này, ơi, vâng, dạ...).	VD: Thán từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc(a, ái, ôi, ô hay, than ôi,...) hoặc để gọi đáp (này, ơi, vâng, dạ...).
Tình thái từ	Tình thái từ: từ dùng để thêm vào câu để tạo nên câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán hoặc biểu thị sắc thái tình cảm của người nói.	VD: + <i>à, ư, hử, nhỉ, chẳng, chứ</i> (nghi vấn) + <i>đi, nào, với</i> (cầu khiến) + <i>thay, sao...</i> (cảm thán) + <i>ạ, nhé, cơ mà...</i> (sắc thái tình cảm)
Quan hệ từ	Quan hệ từ: từ dùng để biểu thị ý nghĩa quan hệ như so sánh, sở hữu, nhân quả... giữa các bộ phận của câu hoặc giữa các câu trong một đoạn văn.	VD: + <i>và, nhưng, bởi vì, nếu, như, của...</i> + Cặp quan hệ từ: <i>tuy... nhưng, không những... mà còn, vì...nên...</i>
Chỉ từ	Chỉ từ: từ dùng để trở vào sự vật nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian.	VD: <i>này, kia, ấy, nọ, ...</i>

Cụm từ

- Cụm danh từ:

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
Tất cả những		Em học sinh		Yêu quý kia	
Tất cả	những	em	học sinh	yêu quý	kia

- Cụm động từ:

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
đã	đi	nhiều nơi

- Cụm tính từ:

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
	sáng	vàng vặc trên sông

2.3. Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm

Tên	Nội dung	Khái niệm
Từ đồng nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa: là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. - Các loại: <ul style="list-style-type: none"> + Đồng nghĩa hoàn toàn: <i>quả - trái</i>. + Đồng nghĩa không hoàn toàn: <i>hi sinh - bỏ mạng</i>. - Sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Không phải từ đồng nghĩa nào cũng thay thế được cho nhau. - Khi nói cũng như khi viết, cần cân nhắc để chọn trong số các từ đồng nghĩa những từ thể hiện đúng thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm. 	VD: <i>cha-ba; mẹ-má; đậu phộng-lạc, ...</i>
Từ trái nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: là những từ có nghĩa trái ngược nhau. - Sử dụng: trong thể đối, tạo hình tượng tương phản, gây ấn tượng mạnh, làm cho lời nói thêm sinh động. 	VD: <i>to- nhỏ;</i> <i>xa- gần...</i>
Từ đồng âm	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau, không liên quan gì với nhau. - Sử dụng: phải chú ý vào ngữ cảnh để tránh tình trạng hiểu sai nghĩa của từ hoặc dùng từ với nghĩa nước đôi do hiện tượng đồng âm. 	VD: <i>Mùa thu đi mua cá thu.</i>

2. Câu

2.1. Các phần của câu

- **Thành phần chính:** là những thành phần bắt buộc phải có trong câu. Thành phần chính bao gồm chủ ngữ và vị ngữ.

+ Chủ ngữ là bộ phận thứ nhất, nêu người hay sự vật làm chủ sự việc trong câu. Chủ ngữ có thể dùng trả lời câu hỏi : Ai ? Cái gì ? Con gì ? Việc gì ? Sự vật gì ?

+ Vị ngữ là bộ phận thứ hai nêu hoạt động, trạng thái, tính chất, bản chất, đặc điểm ... của người, vật, việc nêu ở chủ ngữ; có thể dùng trả lời câu hỏi : Làm gì ? Như thế nào ? Là gì ?

VD: Nhà tôi // rất to và đẹp

CN VN

- **Thành phần phụ:** là thành phần không bắt buộc phải có trong câu. Thành phần phụ bao gồm: Trạng ngữ và khởi ngữ.

+ Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, bổ sung cho nòng cốt câu, tức là bổ nghĩa cho cả cụm chủ vị trung tâm. Trạng ngữ thường là những từ chỉ thời gian, địa điểm nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức... để biểu thị các ý nghĩa tình huống: thời gian, địa điểm, nguyên nhân, mục đích, kết quả, phương tiện, ...

VD: Hôm qua, tôi // đã đi xem phim cùng bạn.

TN CN VN

+ Khởi ngữ được định nghĩa là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.

VD: Giàu, tôi // cũng giàu rồi.

KN CN VN

- **Thành phần biệt lập:** Thành phần biệt lập là bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa của sự việc trong câu. Các thành phần biệt lập là các thành phần nằm ngoài cấu trúc ngữ pháp của câu. Nó được phân loại làm 4 thành phần chính gồm: Thành phần tình thái, thành phần cảm thán, thành phần gọi – đáp và thành phần phụ chú.

+ Thành phần tình thái: được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu. Những yếu tố tình thái gắn với độ tin cậy của sự việc được nói đến, như: chắc chắn, chắc hẳn, chắc là,... (chỉ độ in cậy cao); hình như, dường như, hầu như, có vẻ như,... (chỉ độ tin cậy thấp)

VD: Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ vừa lắc đầu cười. **Có lẽ** vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.

+ Thành phần cảm thán: được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận,...).

VD: **Trời ơi**, chỉ còn có năm phút!

+ Thành phần gọi – đáp: được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

VD:

- **Bác ơi**, cho cháu hỏi chợ Đông Ba ở đâu?

- **Vâng**, mời bác và cô lên chơi.

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

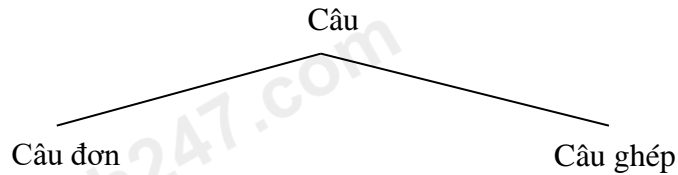
+ Thành phần phụ chú: được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu. Thành phần phụ chú thường đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang với một dấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú còn được đặt sau dấu hai chấm.

VD: *Lúc đi, đưa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi*

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà)

2.2. Câu phân loại theo cấu tạo

- Mô hình:



- Câu đơn là câu được tạo thành từ một cụm chủ-vị.

VD: Những bông hoa // nở rực rỡ.

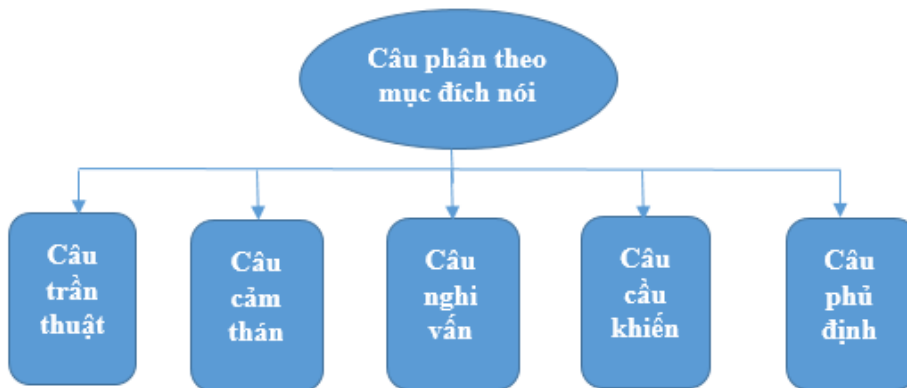
CN VN

- Câu ghép là câu được cấu tạo từ hai hay nhiều cụm chủ-vị.

VD: (Tuy) Nam // bị đau chân (nhưng) bạn ấy // vẫn đi học đều đặn.

CN VN CN VN

2.3. Câu phân loại theo mục đích nói



Kiểu câu	Dấu hiệu hình thức	Chức năng	Ví dụ
Câu nghi vấn	<ul style="list-style-type: none"> Chứa các từ để hỏi: Ai, gì, nào, sao, tại sao, đâu, hay, bao giờ, bao nhiêu, à, ư, hà, chứ (có)...không (đã)...chưa Kết thúc câu bằng dấu hỏi chấm. 	Dùng để hỏi	<i>Em ăn cơm chưa?</i>
Câu cầu khiến	<ul style="list-style-type: none"> Chứa từ ngữ cầu khiến: Hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào 	Dùng để: + Ra lệnh.	<i>Đừng mở cửa sổ!</i>

	- Kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm.	+ Yêu cầu, đề nghị. + Khuyên bảo.	
Câu cảm thán	- Chứa từ ngữ cảm thán: Ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi, trời ơi, Thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào... - Kết thúc bằng dấu chấm than.	Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc.	- <i>Ôi, trời hôm nay thật đẹp!</i>
Câu trần thuật	Không có đặc điểm của các kiểu câu: Câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán.	Dùng để: Kể, thông báo, nhận định, miêu tả. Yêu cầu, đề nghị, bộc lộ cảm xúc.	<i>Hôm nay, tôi đi học.</i>
Câu phủ định	Chứa các từ ngữ phủ định: - không, không phải, không phải là,... - chưa, chẳng, chả, chẳng phải, chả phải,.. - đâu phải, đâu có phải,...	Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó. Bác bỏ một ý kiến, một nhận định.	<i>Tôi không ra Hà Nội hôm nay.</i>

2.4. Trật tự từ trong câu

- Cách lựa chọn trật tự từ trong câu mang lại hiệu quả diễn đạt riêng, người nói (người viết) cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.

VD: *Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.*

- Tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ:

- + Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.
- + Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.
- + Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.
- + Đảm bảo sự hài hòa về ngữ âm của lời nói.

2.5. Một số kiểu câu khác

Tên bài	Nội dung
Rút gọn câu	<ul style="list-style-type: none"> - Khi nói hoặc viết, có thể lược bỏ một số thành phần của câu, tạo thành câu rút gọn. VD: <i>Học ăn, học nói, học gói, học mở.</i> - Việc lược bỏ một số thành phần câu thường nhằm những mục đích sau: <ul style="list-style-type: none"> + Làm cho câu gọn hơn vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước. + Ngụ ý hoạt động đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người (lược bỏ CN). - Cách dùng câu rút gọn. Khi rút gọn câu cần chú ý: <ul style="list-style-type: none"> + Không làm cho người nghe, người đọc hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói. + Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã.
Câu đặc biệt	<ul style="list-style-type: none"> - Câu đặc biệt là loại câu không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ. VD: <i>Đêm. Thành phố lên đèn như sao.</i> - Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến trong câu; + Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng; + Bộc lộ cảm xúc; + Gọi đáp.
Câu chủ động	<p>Câu chủ động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hoạt động). VD: <i>Mọi người yêu mến em.</i></p>
Câu bị động	<p>Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của con người, vật khác hướng vào (chỉ đối tượng của hoạt động). VD: <i>Em được mọi người yêu mến.</i></p>
Thêm trạng ngữ cho câu	<ul style="list-style-type: none"> - Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu. VD: <i>Hôm qua, tôi bị ốm.</i> <i>Để có kết quả học tốt, tôi cần phải cố gắng hơn.</i> - Về hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu. + Giữa trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết.

	<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng của trạng ngữ: + Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác. + Nói kết các câu, các đoạn với nhau góp phần làm cho đoạn văn, bài văn mạch lạc. - Tách trạng ngữ thành câu riêng: Trong một số trường hợp, để nhấn mạnh ý, chuyển ý hoặc những tình huống, cảm xúc nhất định, người ta có thể tách trạng ngữ, đặc biệt là trạng ngữ đứng ở cuối câu, thành những câu riêng.
Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu	<ul style="list-style-type: none"> - Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm C-V, làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu. - Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm C-V.

3. Biện pháp tu từ

So sánh	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh là đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho diễn đạt. - Cấu tạo phép so sánh: + Vật so sánh. + Từ so sánh. + Phương diện so sánh. + Vật được đem ra để so sánh. - Có hai kiểu so sánh: + So sánh ngang bằng. + So sánh không ngang bằng. VD. <i>Trăng tròn như quả bóng.</i> <i>Trẻ em như búp trên cành.</i>
Nhân hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân hóa là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn, thể hiện tình cảm của người nói, người viết.

	<p>- Các kiểu nhân hóa thường gặp:</p> <p>+ Dùng những từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.</p> <p>+ Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.</p> <p>+ Trò chuyện với vật như với người.</p> <p>VD. <i>Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm</i> <i>Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.</i></p>
<p>Ẩn dụ</p>	<p>- Ẩn dụ là biện pháp gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.</p> <p>- Các kiểu ẩn dụ thường gặp:</p> <p>+ Ẩn dụ hình thức.</p> <p>+ Ẩn dụ cách thức.</p> <p>+ Ẩn dụ phẩm chất.</p> <p>+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.</p> <p>VD. <i>Thuyền về có nhớ bến chăng</i> <i>Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.</i></p>
<p>Hoán dụ</p>	<p>- Hoán dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.</p> <p>- Các kiểu hoán dụ thường gặp:</p> <p>+ Lấy bộ phận để chỉ toàn thể.</p> <p>+ Lấy vật chứa đựng để gọi tên vật bị chứa đựng.</p> <p>+ Lấy cái cụ thể gọi cái trừu tượng.</p> <p>+ Lấy dấu hiệu của sự vật gọi tên sự vật.</p> <p>VD. <i>Áo chàm đưa buổi phân li</i> <i>Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.</i></p>

<p>Nói quá</p>	<p>Nói quá là phép tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.</p> <p>VD. “<i>Độc ác thay, trúc Nam sơn không ghi hết tội</i> <i>Dơ bẩn thay, nước Đông hải không rửa sạch mùi</i>”</p>
<p>Nói giảm nói tránh</p>	<p>Nói giảm nói tránh là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.</p> <p>VD. “<i>Bác đã đi rồi sao Bác ơi!</i>”</p> <p style="text-align: center;"><i>Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.</i></p> <p style="text-align: right;">(Bác ơi – Tố Hữu)</p>
<p>Điệp ngữ</p>	<p>- Là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản.</p> <p>- Các kiểu điệp ngữ.</p> <p>+ Điệp ngữ cách quãng.</p> <p>+ Điệp ngữ chuyển tiếp.</p> <p>+ Điệp ngữ nối tiếp.</p> <p>VD. <i>Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua.</i> <i>Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già.</i></p> <p style="text-align: right;">(Vội vàng – Xuân Diệu)</p>
<p>Chơi chữ</p>	<p>- Chơi chữ là biện pháp nghệ thuật lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.</p> <p>- Các lối chơi chữ thường gặp:</p> <p>+ Dùng từ ngữ đồng âm.</p> <p>+ Dùng lối nói trại âm (gần âm).</p> <p>+ Dùng cách điệp âm.</p> <p>+ Dùng lối nói lái.</p> <p>+ Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.</p>

	<p>VD. Con cá đối bỏ trong cối đá</p> <p>Con mèo cái nằm trên mái kèo</p> <p>Mênh mông muôn mẫu một màu mưa</p> <p>Mãi miết miên man mãi mịt mờ.</p>
Liệt kê	<p>- Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.</p> <p>- Các kiểu liệt kê:</p> <p>+ Liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến.</p> <p>+ Liệt kê từng cặp và liệt kê không theo từng cặp.</p> <p>VD. <i>Hồi nhỏ sống với đồng</i></p> <p><i>với sông rồi với bể</i></p> <p><i>hồi chiến tranh ở rừng</i></p> <p><i>vàng trắng thành tri kỉ.</i></p> <p style="text-align: right;">(Ánh trăng – Nguyễn Duy)</p>

4. Hội thoại

Bài	Nội dung
Hội thoại	<p>- Vai xã hội trong hội thoại:</p> <p>+ Vai xã hội: vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại</p> <p>+ Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội: Quan hệ trên - dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội); Quan hệ thân - sơ (theo mức độ quen biết, thân tình)</p> <p>- Quan hệ xã hội rất đa dạng nên vai xã hội của mỗi người cũng đa dạng, nhiều chiều. Khi tham gia hội thoại, mỗi người cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói phù hợp.</p> <p>- Lược lời trong hội thoại</p> <p>+ Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Để giữ lịch sự, cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc chêm vào lời người khác. + Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.
Các phương châm hội thoại	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: phương châm hội thoại là những quy tắc cốt yếu cần tuân thủ khi tham gia hội thoại để hội thoại đạt hiệu quả thông tin, cảm xúc. - Phân loại: <ul style="list-style-type: none"> + Phương châm về lượng: nội dung không thiếu không thừa. + Phương châm về chất: không nói những điều mà không có bằng chứng xác thực. + Phương châm quan hệ: nói đúng đề tài, tránh nói lạc đề. + Phương châm cách thức: nói ngắn gọn, rành mạch. + Phương châm lịch sự: tế nhị, tôn trọng người khác.
Xung hô trong hội thoại	<ul style="list-style-type: none"> - Trong tiếng Việt có hệ thống từ ngữ xung hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm. - Người nói cần căn cứ vào đối tượng, đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xung hô cho thích hợp.
Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn trực tiếp nghĩa là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép. - Dẫn gián tiếp, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp, lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.

5. Dấu câu

Dấu câu	Nội dung
Dấu chấm phẩy	Dấu chấm phẩy được dùng để: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp; - Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê có cấu tạo phức tạp.
Dấu ngoặc kép	Dấu ngoặc kép dùng để:

	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp. - Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai. - Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.
Dấu chấm phẩy	<p>Dấu chấm phẩy được dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp; - Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê có cấu tạo phức tạp.
Dấu chấm lửng	<p>Dấu chấm lửng được dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết. - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.
Dấu gạch ngang	<p>Dấu gạch ngang được dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu; - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê; - Nối các từ nằm trong một liên danh.
Dấu ngoặc đơn	<p>Dấu ngoặc đơn dùng để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh, bổ sung thêm).</p>
Dấu hai chấm	<p>Dấu hai chấm dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đánh dấu (báo trước) phần giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó. + Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép) hay lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang)
Dấu ngoặc kép	<p>Dấu ngoặc kép dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp. - Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai. - Đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san,... được dẫn.

Tuyensinh247.com